

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MHG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MHG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MHG INVESTMENT AND REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MHG INVESTMENT AND REAL ESTATE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109535229

3. Ngày thành lập: 02/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 39 đường Nguyễn Quốc Trị, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0353868686

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gồm sù, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
2.	Đại lý du lịch	7911
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
6.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
7.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;	2393
9.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
10.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
11.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng...	2399
12.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
18.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
19.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
20.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
21.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079(Chính)
22.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
23.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
24.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
25.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
26.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
28.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
29.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, bảo vệ, chuyển phát);	8211
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
32.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ dưỡng	4632
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ: Đấu giá hàng hoá)	4610
39.	Sản xuất giày, dép	1520

40.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su, + Ống, vòi cao su, + Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su, + Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng, + Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu), + Tấm phủ sàn bằng cao su.	2219
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ: Hoạt động đấu giá tài sản)	4791
43.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Trạm biến áp	4221
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
45.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn	4633
46.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
47.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy. - Bán buôn máy móc, thiết bị cứu nạn, cứu hộ	4659
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
50.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
51.	Lập trình máy vi tính	6201
52.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
53.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê trang web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng.	6311
54.	Cổng thông tin	6312
55.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

56.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản	6820
57.	Quảng cáo	7310
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
60.	Cho thuê băng, đĩa video	7722

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Năm mươi tỷ đồng Việt Nam

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM MỸ HẠNH	Khu Đoàn Kết, Thị Trấn Ba Hàng Đồi, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.250.000	22.500.000.000	45,000	001180023456	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.250.000	22.500.000.000	45,000		

2	NGUYỄN XUÂN DIỆU	Thôn Nội Lư, Xã Lư Hoàng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	5,000	034081003954
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	5,000	
3	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Số 4 Ngách 139/18 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	50,000	034081003934
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034081003934

Ngày cấp: 04/04/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4 Ngách 139/18 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4 Ngách 139/18 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội